

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số **44** /2010/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **10** tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 840/TTr-SCT ngày 06/4/2010 của Giám đốc Sở Công Thương về việc phê duyệt Quy định quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: số 25/2005/QĐ-UB ngày 18/02/2005 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 44/2008/QĐ-UBND ngày 10/7/2008 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý cụm sản xuất làng nghề tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 872/2005/QĐ-UBND ngày 13/7/2005 của UBND tỉnh Hà Tây ban hành quy định về đầu tư xây dựng và quản lý hoạt động các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp làng nghề trên địa bàn tỉnh Hà



Tây; số 1682/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 của UBND tỉnh Hà Tây ban hành quy định về quản lý hoạt động tại các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp làng nghề trên địa bàn tỉnh Hà Tây.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các Quận, huyện, thị xã; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Thành ủy, TT HĐND thành phố;
- Chủ tịch UBND thành phố;
- Các đ/c PCT UBND thành phố;
- Báo HNM, Báo KT&ĐT, Đài PT&THHN;
- Trung tâm Công báo;
- CVP, các PVP UBND TP; các Phòng CV;
- Lưu: VT, CT(lí 2b).

13

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 



Nguyễn Huy Trường

QUY ĐỊNH

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2010/QĐ-UBND
ngày 10 / 5 / 2010 của UBND thành phố Hà Nội)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh.

1. Quy định này nhằm thống nhất các quy định về quy hoạch phát triển, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp và cụm công nghiệp làng nghề (gọi chung là cụm công nghiệp); đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; quản lý hoạt động và quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Quy định này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ sản xuất liên quan đến việc đầu tư xây dựng và hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

3. Những nội dung không có trong Quy định này thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và thành phố Hà Nội tại các văn bản liên quan khác.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

1. **Cụm công nghiệp** là nơi tập trung sản xuất công nghiệp và dịch vụ phục vụ công nghiệp; có ranh giới địa lý xác định, có hàng rào tách biệt, không có dân cư sinh sống; có hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung được xây dựng đồng bộ, đảm bảo đầy đủ các điều kiện để sản xuất kinh doanh thuận lợi, an toàn và bền vững.

Cụm công nghiệp có quy mô tối đa không quá 50ha (trường hợp mở rộng tối đa không quá 75ha) do UBND thành phố quyết định thành lập được đầu tư xây dựng nhằm chủ yếu thu hút các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa; các cá nhân, hộ sản xuất tại các làng nghề; di dời các cơ sở sản xuất không phù hợp quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư vào đầu tư sản xuất kinh doanh.

2. **Cụm công nghiệp làng nghề** là cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng nhằm mục tiêu phục vụ nhu cầu mở rộng mặt bằng sản xuất của các cơ sở sản xuất tại các làng nghề (doanh nghiệp làng nghề, HTX, hộ sản xuất), phát triển nghề, làng nghề và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề.

3. **Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp** (gọi tắt là doanh nghiệp công nghiệp) là doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã; hộ gia đình đăng ký kinh doanh theo Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

4. **Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp** (gọi tắt là chủ đầu tư) là các tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, có đủ năng lực, điều kiện tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

5. **Đơn vị quản lý hoạt động cụm công nghiệp** (gọi tắt là Ban quản lý) là tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có năng lực tổ chức, quản lý và thực hiện các dịch vụ được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý hoạt động cụm công nghiệp.

6. **Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp** là hệ thống đường nội bộ; hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; nhà quản lý điều hành, công trình bảo vệ, tường rào; hệ thống cấp điện; cây xanh, chiếu sáng công cộng; thông tin liên lạc,... bên trong cụm công nghiệp và kết nối đồng bộ với hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài.

7. **Diện tích đất công nghiệp** là diện tích đất theo quy hoạch chi tiết được duyệt của cụm công nghiệp dành cho các doanh nghiệp công nghiệp thuê hoặc thuê lại để thực hiện các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

8. **Tỷ lệ lấp đầy** là tỷ lệ giữa diện tích đất công nghiệp đã được cấp phép cho các doanh nghiệp công nghiệp thuê hoặc thuê lại đất trên tổng diện tích đất công nghiệp của cụm công nghiệp.

9. **Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp** là quy hoạch được lập, phê duyệt và quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

10. **Dịch vụ công cộng và tiện ích cụm công nghiệp** là dịch vụ bảo vệ, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải, duy tu bảo dưỡng, vận hành hoạt động các công trình hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp và các tiện ích khác do Đơn vị quản lý hoạt động cụm công nghiệp tổ chức thực hiện.

Chương II

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN, THÀNH LẬP CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 3. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp.

1. Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển công nghiệp của thành phố, Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện tổ chức lập và trình UBND thành phố phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố sau khi có ý kiến thoả thuận của Bộ Công Thương.

Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp; Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg và các qui định khác có liên quan.

2. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp được phê duyệt là căn cứ để xem xét quyết định thành lập, xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và tổ chức kêu gọi, thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

Điều 4. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp.

1. Trong quá trình thực hiện quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn, tùy theo điều kiện thực tế có thể xem xét điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Thành lập cụm công nghiệp.

1. Điều kiện thành lập.

a) Các điều kiện được quy định tại Khoản 1, Điều 5, Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Trường hợp trên địa bàn cấp huyện đã có các cụm công nghiệp đang hoạt động thì tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp phải không thấp hơn 60%; trên địa bàn cấp xã đã có cụm công nghiệp làng nghề đang hoạt động thì tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp làng nghề phải không thấp hơn 80%.

2. Thủ tục thành lập.

a) UBND cấp huyện lập hồ sơ thành lập cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương để thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt;

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thẩm định hồ sơ thành lập cụm công nghiệp trình UBND thành phố quyết định.

3. Hồ sơ thành lập cụm công nghiệp.

a) Văn bản của UBND cấp huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập cụm công nghiệp;

b) Báo cáo đầu tư thành lập cụm công nghiệp.

Hồ sơ thành lập cụm công nghiệp được lập thành 08 bộ, nộp tại Sở Công Thương (trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc). Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định trình UBND thành phố xem xét quyết định thành lập cụm công nghiệp trong vòng 10 ngày làm việc.

4. Nội dung Báo cáo đầu tư thành lập cụm công nghiệp.

a) Phần thuyết minh:

- Nhu cầu thực tế và sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Mục tiêu thành lập cụm công nghiệp;

- Định hướng bố trí ngành nghề, cơ cấu sử dụng đất và định hướng tiếp nhận các doanh nghiệp công nghiệp đầu tư vào cụm công nghiệp,... nhằm đảm bảo mục tiêu, tính khả thi và phù hợp với tính chất, đặc thù của địa phương;

- Dự kiến phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư;

- Dự kiến về nhu cầu, phương án đầu tư các công trình hạ tầng xã hội (nhà ở công nhân, công trình y tế, giáo dục, văn hóa,...) phục vụ cho hoạt động của cụm công nghiệp;

- Dự kiến về ranh giới, diện tích đất; phương án đấu nối các công trình hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào cụm công nghiệp;

- Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của cụm công nghiệp dự kiến thành lập;

- Đề xuất hình thức chủ đầu tư;
- Xác định sơ bộ về nguồn vốn đầu tư; phương thức thực hiện đầu tư xây dựng; quản lý, khai thác và vận hành hoạt động của cụm công nghiệp;
- Các giải pháp và tiến độ thực hiện;
- Kiến nghị các giải pháp hỗ trợ, ưu đãi của thành phố.

b) Phần bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí mặt bằng hiện trạng;
- Sơ đồ mặt bằng dự kiến hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào và kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài.

Điều 6. Mở rộng cụm công nghiệp.

1. Điều kiện mở rộng cụm công nghiệp:

a) Các điều kiện được quy định tại Khoản 1, Điều 6, Quyết định 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp cụm công nghiệp đã thành lập, xây dựng không quy hoạch hạng mục xử lý môi trường được xem xét mở rộng quy mô để tạo quỹ đất xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

b) Cụm công nghiệp đã đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 60%, đối với cụm công nghiệp làng nghề phải đạt trên 80%.

2. Thủ tục mở rộng cụm công nghiệp:

a) Căn cứ điều kiện mở rộng cụm công nghiệp, UBND cấp huyện lập hồ sơ đề nghị mở rộng cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương để thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thẩm định hồ sơ mở rộng cụm công nghiệp trình UBND thành phố quyết định mở rộng cụm công nghiệp.

3. Hồ sơ mở rộng cụm công nghiệp gồm:

- Văn bản của UBND cấp huyện về việc mở rộng cụm công nghiệp;
- Báo cáo đầu tư mở rộng cụm công nghiệp, bao gồm: sự cần thiết mở rộng cụm công nghiệp, trong đó giải trình về việc đáp ứng các điều kiện mở rộng cụm công nghiệp được quy định tại Khoản 1 của Điều này; đánh giá hiện trạng phát triển cụm công nghiệp hiện có; định hướng mở rộng cụm công nghiệp (ranh giới, diện tích đất, phương án đấu nối công trình hạ tầng kỹ thuật phần hiện trạng và phân dự kiến mở rộng; phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư); xác định sơ bộ nguồn vốn đầu tư và phương thức thực hiện; các giải pháp và tiến độ thực hiện; dự kiến khả năng cho thuê đất và hiệu quả về kinh tế, xã hội của cụm công nghiệp sau khi mở rộng.

Hồ sơ mở rộng cụm công nghiệp được lập thành 08 bộ, nộp tại Sở Công Thương (trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc). Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định trình UBND thành phố xem xét quyết định mở rộng cụm công nghiệp trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 7. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

1. Lựa chọn các doanh nghiệp làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Trường hợp cụm công nghiệp được thành lập nhằm mục tiêu di dời các doanh nghiệp, hộ sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu vực đô thị, khu dân cư, các làng nghề mà không có doanh nghiệp đăng ký làm chủ đầu tư giao Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoặc thành lập Trung tâm phát triển cụm công nghiệp để thực hiện chức năng chủ đầu tư. Thủ tục thành lập Trung tâm phát triển cụm công nghiệp theo Điều 12, Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công Thương.

3. Chủ đầu tư được lựa chọn thông qua hình thức:

a) Đấu thầu rộng rãi: Áp dụng trong trường hợp có từ 2 doanh nghiệp trở lên cùng tham gia đăng ký làm chủ đầu tư;

b) Chỉ định chủ đầu tư: Áp dụng trong các trường hợp:

- Chỉ có 1 doanh nghiệp đăng ký làm chủ đầu tư;

- Cụm công nghiệp có tính chất đặc thù khi chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cũng đồng thời là nhà đầu tư thứ phát thì xét giao đơn vị đó làm chủ đầu tư.

4. Sở Công Thương tổ chức lựa chọn chủ đầu tư cụm công nghiệp; UBND cấp huyện tổ chức lựa chọn chủ đầu tư cụm công nghiệp làng nghề. Trình tự, thủ tục lựa chọn chủ đầu tư theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BKH ngày 16/4/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các quy định về lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn thành phố.

Điều 8. Thay đổi chủ đầu tư.

1. Khi thay đổi chủ đầu tư trong quá trình thực hiện đầu tư, chủ đầu tư mới được thay thế phải chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ nội dung công việc của chủ đầu tư trước. Việc bàn giao hồ sơ, tài liệu và các nội dung liên quan đến dự án phải được thực hiện xong trong vòng 30 ngày kể từ khi có văn bản chấp thuận thay đổi chủ đầu tư của cấp có thẩm quyền.

2. Trình tự, thủ tục thay đổi chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Chương III

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Điều 9. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.

Trước khi lập dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng phải tiến hành lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo các quy định hiện hành về quy hoạch xây dựng.

1. Trường hợp có nhu cầu phát triển cụm công nghiệp nhưng chưa có chủ đầu tư, Sở Công Thương có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp trình UBND thành phố phê duyệt; UBND cấp huyện tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp làng nghề làm cơ sở cho việc kêu gọi, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Trường hợp đã có chủ trương đầu tư nhưng chưa có quy hoạch chi tiết thì giao nhà đầu tư lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; nhà đầu tư được giao lập quy hoạch chi tiết được ưu tiên giao làm chủ đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

3. Trường hợp cụm công nghiệp có quy mô diện tích dưới 5 ha (năm héc ta) thì có thể lập dự án đầu tư xây dựng mà không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, giải pháp về hạ tầng kỹ thuật trong nội dung thiết kế cơ sở của dự án phải phù hợp với quy hoạch chung (hoặc quy hoạch phân khu của đô thị); đảm bảo sự đấu nối hạ tầng kỹ thuật và phù hợp về không gian kiến trúc với khu vực xung quanh.

Điều 10. Dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp.

1. Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và các qui định của thành phố Hà Nội.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo qui định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 11. Tổ chức triển khai dự án.

1. Công tác thu hồi đất: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về thu hồi

đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và làm nhà ở nông thôn tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội và các quy định pháp luật hiện hành về đất đai có liên quan.

2. Công tác giải phóng mặt bằng: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố và các qui định pháp luật hiện hành về công tác giải phóng mặt bằng có liên quan.

3. Việc lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, đấu thầu, tổ chức thi công công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

Chương IV

ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 12. Lĩnh vực, ngành nghề, dự án được khuyến khích đầu tư trong cụm công nghiệp.

1. Khôi phục, phát triển và bảo tồn ngành nghề truyền thống của địa phương.
2. Phát triển nghề mới, sản phẩm mới.
3. Ngành nghề sử dụng nhiều lao động tại địa phương.
4. Doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ như sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp chủ lực, công nghiệp dẫn hướng và công nghiệp mũi nhọn,... theo từng giai đoạn của thành phố.
5. Di chuyển các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong các làng nghề, cụm dân cư, các cơ sở sản xuất phân tán từ bên ngoài vào cụm công nghiệp.
6. Các lĩnh vực, ngành nghề khác được khuyến khích đầu tư của thành phố Hà Nội.

Điều 13. Tiếp nhận dự án đầu tư vào cụm công nghiệp.

Việc xem xét, tiếp nhận các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Đầu tư và các quy định khác có liên quan về thu hút, tiếp nhận đầu tư trên địa bàn thành phố.

Điều 14. Cho thuê đất, thuê lại đất và giao đất cho thuê trong cụm công nghiệp.

1. Trường hợp cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư, Chủ đầu tư hướng dẫn các doanh nghiệp công nghiệp làm thủ tục thuê lại đất theo quy định của pháp luật về đất đai đồng thời tiến hành giao mốc giới, diện tích đất công nghiệp để triển khai thực hiện dự án.

2. Trường hợp cụm công nghiệp do UBND cấp huyện, UBND cấp xã làm chủ đầu tư, Ban quản lý hướng dẫn doanh nghiệp công nghiệp lập hồ sơ đề nghị thu hồi đất, giao đất cho thuê để triển khai thực hiện dự án.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho thuê lại đất thực hiện theo quy định tại Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 15. Cấp phép xây dựng công trình.

Trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định cấp giấy phép xây dựng và quản lý việc xây dựng công trình theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 16. Quyền lợi và nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

1. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp có quyền:

a) Vận động đầu tư vào cụm công nghiệp khi đã xây dựng đủ các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư được phê duyệt;

b) Huy động vốn theo quy định của pháp luật để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

c) Cho các doanh nghiệp công nghiệp thuê lại đất công nghiệp theo quy định của pháp luật khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất được giao;

d) Cho các doanh nghiệp thuê hoặc bán nhà xưởng do chủ đầu tư hạ tầng xây dựng trong cụm công nghiệp;

e) Kinh doanh các dịch vụ công cộng và các tiện ích khác trong cụm công nghiệp theo qui định của pháp luật;

f) Quyết định giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng đã xây dựng trong cụm công nghiệp. Những cụm công nghiệp sử dụng vốn ngân sách hoặc ngân sách hỗ trợ một phần kinh phí để xây dựng hạ tầng kỹ thuật do UBND thành phố phê duyệt;

g) Thu chi phí sử dụng dịch vụ công cộng và tiện ích cụm công nghiệp của các doanh nghiệp công nghiệp theo qui định tại Khoản 2, Điều 20 của Quy định này;

h) Được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định chung của Nhà nước và của thành phố Hà Nội.

2. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có nghĩa vụ:

a) Triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo đúng nội dung giấy phép đầu tư được cấp;

b) Tổ chức duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp đảm bảo hoạt động bình thường, liên tục, đúng công năng thiết kế trong suốt thời gian hoạt động;

c) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động; quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường;

d) Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với cụm công nghiệp;

e) Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp;

f) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Sở Công Thương, UBND cấp huyện và các cơ quan quản lý nhà nước khác theo qui định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp công nghiệp.

1. Các doanh nghiệp công nghiệp có quyền:

a) Được giao đất, thuê đất, gia hạn thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong cụm công nghiệp theo quy định của Luật Đất đai; được thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà xưởng, tài sản của mình trên đất thuê theo quy định của pháp luật;

b) Được sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác trong cụm công nghiệp theo quy định;

c) Được góp vốn để xây dựng và kinh doanh hạ tầng theo thỏa thuận với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

d) Được hỗ trợ, tạo điều kiện trong việc tuyển dụng và đào tạo lao động;

e) Được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của Nhà nước và của thành phố Hà Nội.

2. Các doanh nghiệp công nghiệp có nghĩa vụ:

a) Sử dụng đất và thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh đúng với nội dung đăng ký đầu tư, giấy phép đầu tư được cấp; triển khai dự án đầu tư trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày được giao đất; tuân thủ đúng Điều lệ quản lý cụm công nghiệp;

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động; quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; vệ sinh công nghiệp và bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện nghĩa vụ ưu tiên đào tạo, sử dụng lao động tại địa phương, đặc biệt là các đối tượng thuộc diện chính sách, các hộ có đất bị thu hồi để xây dựng cụm công nghiệp;

d) Phối hợp với Ban quản lý, chính quyền địa phương trong việc thành lập và tổ chức hoạt động của các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất với Ban quản lý và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật về báo cáo thống kê;

f) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Ban quản lý hoạt động cụm công nghiệp.

1. Chức năng của Ban quản lý.

a) Ban quản lý là đơn vị có chức năng quản lý hoạt động và tổ chức các dịch vụ công cộng đảm bảo sự hoạt động bình thường, theo đúng pháp luật về cụm công nghiệp;

b) Ban quản lý chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của UBND cấp huyện và các sở, ngành, lĩnh vực có liên quan.

2. Nhiệm vụ của Ban quản lý.

a) Tiếp nhận bàn giao hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các tài liệu liên quan đến cụm công nghiệp để tổ chức quản lý hoạt động, bao gồm cả việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường;

b) Tổ chức quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp đảm bảo hoạt động bình thường, liên tục, đúng công năng thiết kế trong suốt thời gian hoạt động cụm công nghiệp;

c) Phổ biến và tổ chức thực hiện Điều lệ quản lý cụm công nghiệp;

d) Định kỳ hàng tháng, quý, năm thực hiện chế độ báo cáo với UBND cấp huyện, Sở Công Thương về tình hình hoạt động của cụm công nghiệp.

e) Các nhiệm vụ cụ thể khác ghi trong Điều lệ quản lý cụm công nghiệp.

3. Quyền hạn của Ban quản lý.

a) Giám sát, giúp đỡ các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện đầu tư xây dựng nhà xưởng và hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, các quy định của UBND thành phố và Điều lệ quản lý cụm công nghiệp;

b) Được thực hiện các dịch vụ công cộng và tiện ích cụm công nghiệp thông qua hợp đồng kinh tế ký với các doanh nghiệp công nghiệp trong cụm công nghiệp;

c) Được tiếp thu các hỗ trợ từ Nhà nước và các tổ chức xã hội trong và ngoài nước trong việc thực hiện các dịch vụ công cộng;

d) Trong trường hợp khẩn cấp được phép yêu cầu tạm dừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở hoạt động có nguy cơ gây mất an toàn nghiêm trọng, đe dọa tính mạng người lao động, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoặc làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cụm công nghiệp đồng thời báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Lựa chọn đơn vị quản lý cụm công nghiệp.

a) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp đồng thời thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động cụm công nghiệp sau đầu tư;

b) Khuyến khích việc lựa chọn doanh nghiệp thông qua hình thức đấu thầu để quản lý hoạt động các cụm công nghiệp do UBND cấp huyện, UBND cấp xã làm chủ đầu tư.

Điều 19. Bàn giao giữa chủ đầu tư xây dựng hạ tầng và đơn vị quản lý hoạt động cụm công nghiệp.

1. Trường hợp chủ đầu tư xây dựng hạ tầng không đồng thời là đơn vị quản lý cụm công nghiệp: sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật và lựa chọn được đơn vị quản lý, trong vòng 60 ngày chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu và các nội dung liên quan cho đơn vị quản lý để đưa cụm công nghiệp đi vào hoạt động.

2. Trường hợp chủ đầu tư xây dựng hạ tầng đồng thời là đơn vị quản lý hoạt động cụm công nghiệp thì không thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 20. Điều lệ quản lý cụm công nghiệp.

1. Sau khi cơ bản hoàn thành việc xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và lựa chọn được đơn vị quản lý hoạt động, Ban quản lý có trách nhiệm xây dựng Điều lệ quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Sở Công Thương phê duyệt Điều lệ quản lý cụm công nghiệp;

b) UBND cấp huyện phê duyệt Điều lệ quản lý cụm công nghiệp làng nghề;

c) Sở Công Thương chủ trì ban hành Điều lệ mẫu quản lý cụm công nghiệp để áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố.

2. Chi phí sử dụng dịch vụ công cộng và tiện ích cụm công nghiệp được xác định trên nguyên tắc thoả thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp sử dụng dịch vụ và đơn vị kinh doanh hạ tầng.

Trường hợp cụm công nghiệp do nhà nước làm chủ đầu tư phải được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể như sau:

- Đối với cụm công nghiệp: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng thẩm định, phê duyệt;

- Đối với cụm công nghiệp làng nghề: UBND cấp huyện tổ chức phê duyệt.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 21. Nội dung quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp.

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển cụm công nghiệp.

2. Ban hành, hướng dẫn, phổ biến và tổ chức thực hiện chính sách pháp luật và tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các cụm công nghiệp.

3. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về cụm công nghiệp; tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp.

4. Cấp, điều chỉnh, thu hồi các loại giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận liên quan; tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính nhà nước và dịch vụ hỗ trợ có liên quan đến hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp.

5. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

6. Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá hiệu quả đầu tư; kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành và phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm của các sở, ngành liên quan.

1. Sở Công Thương.

- Là cơ quan đầu mối tham mưu giúp UBND thành phố chỉ đạo, thực hiện công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Chủ trì xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển cụm công nghiệp;

- Chủ trì tổ chức thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp;

- Phê duyệt Điều lệ quản lý; tổ chức lựa chọn chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ kỹ thuật cụm công nghiệp;

- Chủ trì đề xuất và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Thực hiện công tác thẩm định kết quả lựa chọn chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận, đăng ký đầu tư vào các cụm công nghiệp.

3. Sở Tài chính.

- Chủ trì tổ chức thẩm định, phê duyệt Chi phí sử dụng dịch vụ công cộng và tiện ích cụm công nghiệp;

- Chủ trì xác định suất đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp có sử dụng vốn ngân sách;

- Xác định tiền thuê đất, tiền sử dụng đất trong các cụm công nghiệp.

4. Sở Quy hoạch kiến trúc.

Chủ trì, hướng dẫn về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.

5. Sở Xây dựng.

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về xây dựng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung và công trình xây dựng sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chủ trì hướng dẫn về trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; công tác quản lý nhà nước về môi trường trong các cụm công nghiệp.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Hướng dẫn về công tác quản lý lao động, công tác an toàn, vệ sinh lao động tại các cụm công nghiệp. Phối hợp với các sở, ngành thực hiện những quy định về quản lý chuyên ngành liên quan đến cụm công nghiệp.

8. Sở Nội vụ.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn UBND cấp huyện trong việc thành lập và tổ chức hoạt động của Trung tâm phát triển cụm công nghiệp.

9. Công an thành phố Hà Nội.

Thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, quản lý về cư trú của người lao động, công tác phòng cháy chữa cháy; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan chức năng trong việc quản lý và bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

10. Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố.

Chủ trì hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư.

11. Các sở, ngành: Giao thông - Vận tải, Thông tin - Truyền thông,... theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện những quy định về quản lý chuyên ngành liên quan đến cụm công nghiệp.

Điều 23. Quyền hạn, trách nhiệm của UBND cấp huyện.

1. Chỉ đạo, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hành chính, lãnh thổ đối với cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước của thành phố trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với cụm công nghiệp trên địa bàn.

3. Tổ chức xây dựng hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn.

4. Tổ chức lựa chọn chủ đầu tư cụm công nghiệp làng nghề.

5. Phê duyệt Điều lệ quản lý, Chi phí sử dụng dịch vụ công cộng và tiện ích cụm công nghiệp làng nghề.

6. Chỉ đạo hoạt động của Ban quản lý cụm công nghiệp, Trung tâm phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

7. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, UBND cấp xã trong việc phối hợp thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư, triển khai xây dựng, phát triển các cụm công nghiệp.

8. Phối hợp với Sở Công Thương tham gia xây dựng quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

Điều 24. Nguyên tắc thực hiện phối hợp quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

Các cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ phối hợp cùng cơ quan chủ trì chủ trì giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cụm công nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc phối hợp sau đây:

1. Phải thể hiện bằng văn bản ý kiến chuyên môn về nội dung được phối hợp giải quyết trong thời hạn theo thời gian quy định chuyên ngành theo yêu cầu của cơ quan chủ trì. Hết thời hạn theo yêu cầu nếu không có văn bản gửi cơ quan chủ trì thì coi như không có ý kiến về nội dung phối hợp và phải chịu trách nhiệm về vấn đề đó theo quy định của pháp luật.

2. Khi có quan chủ trì tổ chức hội nghị lấy ý kiến chuyên ngành, cơ quan phối hợp phải ký vào biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm vào ý kiến nêu trong biên bản; chỉ phát biểu các ý kiến về khía cạnh chuyên môn lĩnh vực được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thể trực tiếp tham dự hội nghị, cơ quan phối hợp có thể gửi ý kiến bằng văn bản tới cơ quan chủ trì; cơ quan phối hợp không tham dự hội nghị và không có văn bản gửi ý kiến chuyên ngành coi như không có ý kiến về nội dung phối hợp và phải chịu trách nhiệm về vấn đề đó theo quy định của pháp luật.

3. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có liên quan có thể trực tiếp tham dự vào quá trình giải quyết các nội dung phối hợp.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Xử lý những vấn đề chuyển tiếp.

1. Thống nhất sử dụng tên gọi cụm công nghiệp làng nghề thay thế tên gọi điểm công nghiệp làng nghề, cụm sản xuất làng nghề tập trung đã thành lập và triển khai xây dựng trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, những cụm công nghiệp đã thành lập có quy mô lớn hơn theo Quy định này; cụm công nghiệp đã giao chủ đầu tư là UBND cấp huyện, UBND cấp xã thì được giữ nguyên quy mô và chủ đầu tư.

3. Thành phố khuyến khích việc chuyển đổi chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp do UBND cấp huyện, UBND cấp xã đang làm chủ đầu tư sang các doanh nghiệp.

4. Các cụm công nghiệp được thành lập và triển khai thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành trong vòng 03 tháng phải chuyển đổi hình thức tổ chức quản lý và hoạt động theo Quy định này.

Điều 26. Khiếu nại, xử lý vi phạm.

1. Các tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định và hành vi trái với Quy định này. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm các nội dung trong Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Khen thưởng.

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc đầu tư xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm Sở Công Thương tổ chức đánh giá, đề xuất hình thức khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc phát triển cụm công nghiệp và thực hiện Quy định này.

Điều 28. Tổ chức thực hiện.

Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, các khó khăn vướng mắc phát sinh cần được phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Huy Tường